

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC HÓA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19-4-2024
V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HÓA
TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Hồng.

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lý Quốc Trường;

2/ Ông Lê Văn Nhữ;

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An; Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2024/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 02 năm 2024, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 2000 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh L.

2. Bị đơn: Ông Trương Minh Ng, sinh năm 1997 (vắng mặt không có lý do);

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn B, huyện M, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày như sau:

Bà Th và ông Ng do quen biết nhau nên tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh L vào ngày 14/5/2019. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng về sau này thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống dẫn đến vợ chồng

thường cãi nhau. Bà Th nhận thấy đời sống chung không thể kéo dài, bà Th không còn tình cảm với ông Ng. Do đó bà Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Ng.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Trương Quốc B, sinh ngày 02/11/2021 hiện đang sống chung với bà Th, khi ly hôn bà Th yêu cầu nuôi con chung, yêu cầu ông Ng cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi..

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Trương Minh Ng, trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Ng vắng mặt và không nộp văn bản thể hiện ý kiến cho Tòa án.

Tại phiên tòa:

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Th yêu cầu ly hôn với ông Trương Minh Ng là tranh chấp về ly hôn, do ông Ng cư trú huyện M nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Xét thấy ông Trương Minh Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai theo quy định nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Ng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th và ông Trương Minh Ng xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh L cấp giấy chứng nhận kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

[3.2] Bà Th yêu cầu được ly hôn với ông Ng vì cho rằng cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không hạnh phúc. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện M đã tiến hành các thủ tục về cấp tống đạt, hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự các thông báo về phiên hòa giải, xét xử ông Ng đã nhận đầy đủ nhưng không nộp văn bản thể hiện ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên có đủ căn cứ xác định ông Ng không quan tâm, không có thiện chí, không mong muốn giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn đoàn tụ với bà Th. Như vậy căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, lời trình bày của bà Th về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng là có căn cứ chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa bà Th và ông Ng đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng đoàn tụ. Như vậy có đủ cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th với ông Ng là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Trương Quốc B, sinh ngày 02/11/2021 hiện đang sống chung với bà Th. Bà Th yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét trong thời gian vợ chồng mâu thuẫn thì cháu B sống với bà Th, cuộc sống ổn định và con chung dưới 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc của mẹ. Do đó Hội đồng xét xử quyết định giao cháu B cho bà Th tiếp tục nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Th yêu cầu ông Ng cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 5/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của bà Th là phù hợp quy định tại Điều 107, 110, 116, 117, 119 Luật hôn nhân và gia đình nhưng mức cấp dưỡng cần điều chỉnh, buộc ông Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 900.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2024 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[6] Về chia tài sản và nghĩa vụ trả nợ: Bà Th xác định không có, ông Ng vắng mặt cũng không gửi văn bản có ý kiến nên Hội đồng xét xử cũng không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35; 39; 147; 227, 228, 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th đối với ông Trương Minh Ng.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th được ly hôn với ông Trương Minh Ng.

2. Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Th được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trương Quốc B, sinh ngày 02/11/2021. Ông Trương Minh Ng phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 900.000 (chín trăm nghìn) đồng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 05/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; cấp dưỡng nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con

được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 85, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002776, ngày 21/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An. Ông Trương Minh Ng phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tòa án niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- **UBND xã nơi đăng ký kết hôn;**
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thúy Hồng